

TƯ LIỆU

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ LỤC KỶ PHỤ BIÊN, QUYỂN 19

Cao Tõ Thanh*



Vua Thành Thái (1889-1907).
Nguồn: www.webvkal.com.

Sau *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đệ lục kỷ* viết về đời Đồng Khánh, Quốc Sử Quán triều Nguyễn trước Cách mạng tháng Tám 1945 còn kịp biên soạn hai bộ *Đại Nam thực lục* nữa tức *Chính biên*, *Đệ lục kỷ phụ biên* viết về hai đời Thành Thái, Duy Tân và *Chính biên*, *Đệ thất kỷ* viết về đời Khải Định. Hai bộ sử này chỉ có bản chép tay chữ Hán hiện được lưu giữ ở Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Paris, chưa được phiên dịch nên ít người biết tới, tuy nhiên học giới Việt Nam đã có bản sao ảnh của hai bộ sử này từ 2003 (xem Trần Đức Cường “Phát hiện mới sẽ được công bố: Phần tiếp theo trọn bộ của *Đại Nam thực lục chính biên*”, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, tháng 3/2004 và Cao Tõ Thanh “Vài nét về bộ *Đại Nam thực lục chính biên Đệ lục kỷ phụ biên*”, tạp chí *Xưa và Nay*, số 345, tháng 4/2010).

Đại Nam thực lục chính biên, *Đệ lục kỷ phụ biên* được lệnh khởi thảo từ tháng 11 năm Khải Định thứ 7 (1922), không thấy có *Biểu dân số sách* như

các bộ *Đại Nam thực lục* khác nên chưa rõ được hoàn thành vào thời điểm nào, chỉ biết đã biên soạn xong trong đời Bảo Đại, vì theo *Bảng kê chức danh những người biên soạn* thì người đứng đầu nhóm thứ hai là “Hiệp tá Đại học sĩ lãnh Thượng thư Bộ Giáo dục quốc dân kiêm sung Ngự tiền văn phòng Tổng lý đại thần sung Cơ Mật Viện đại thần, thần Phạm Quỳnh” (nhóm thứ nhất có Hồ Đắc Trung, Võ Liêm làm Tổng tài, Cao Xuân Tiếu làm Toàn tu). Tất cả gồm 29 quyển, 19 quyển đầu viết về đời Thành Thái, 10 quyển sau viết về đời Duy Tân, mỗi quyển một năm, tổng cộng 28 năm từ 1889 đến 1916 (vì năm Thành Thái thứ 19 và năm Duy Tân thứ 1 cùng là một năm 1907). Cho nên, mặc dù nhìn chung không phản ánh được lịch sử trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam dưới hai triều Thành Thái, Duy Tân mà chỉ giới hạn trên địa bàn Trung Bắc, thậm chí sau khi Nha Kinh lược Bắc Kỳ bị giải thể, quyền hành chính trị và hành chính ở miền Bắc tập trung hết vào tay Thống sứ Bắc Kỳ (Résident général du Tonkin) năm 1897 thì chỉ còn co cụm lại chủ yếu trong phạm vi các hiện tượng, lãnh vực và quá

* Thành phố Hồ Chí Minh.

trình lịch sử trên địa bàn miền Trung, *Đại Nam thực lục chính biên, Đế lục kỷ phụ biên* vẫn có thể cung cấp nhiều tư liệu hay lạ cho những người quan tâm tới lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trên địa bàn miền Trung tức “Kinh sư” và “Tả Hữu trực kỳ”, bên cạnh đó hoàn cảnh biên soạn và thành phần tham dự như trên còn đưa tới cho bộ sử này một số khác biệt so với bút pháp sử học truyền thống. Tất cả những điều nói trên cho thấy việc phiên dịch hai bộ sử nói trên trong đó nổi bật là *Đại Nam thực lục chính biên, Đế lục kỷ phụ biên* là điều cần thiết để góp phần đáp ứng nhu cầu không chỉ của học giới mà còn cả của xã hội hiện nay.

Được sự khuyến khích của tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* ở Huế, chúng tôi xin trích giới thiệu bản dịch toàn văn quyển 19 trong đó có đoạn chép về việc phế truất vua Thành Thái. Cần nói ngay rằng bản dịch này chưa phải đã hoàn chỉnh, chẳng hạn vẫn còn một số tên riêng tiếng Việt, tiếng Pháp... mà chúng tôi chưa có thời gian tra cứu. Cho nên ngoài mong muốn được cung cấp thêm một số tư liệu lịch sử cho người đọc tham khảo, chúng tôi cũng muốn qua bài viết này nhận được sự chỉ giáo của các bậc thức giả gần xa.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐẾ LỤC KỶ PHỤ BIÊN, QUYỂN 19

Năm Đinh Mùi, Thành Thái thứ 19 (1907). **Mùa xuân, tháng Giêng.** Chuẩn cho phái viên sang Tây du học (7 người bọn Tham biện Cơ Mật Viện Ứng Doanh, nguyên Chủ sự Bộ Lại Nguyễn Văn Hiền).

Trích tiền lưu lại trợ cấp cho dân đói tỉnh Thanh Hóa. Tỉnh ấy hai vụ lúa mùa hạ mùa đông năm trước liên tiếp mất mùa, nhân dân nhiều người chết đói lưu tán. Quan tỉnh báo lên, chuẩn cho bàn bạc tìm nhiều cách trừ hoạch điều tể để giúp dân qua lúc cấp bách. Đến lúc ấy quan tỉnh lại xin trích tiền mua thóc chia cấp cho những hộ quần bách nhất ở các phủ huyện, bề tôi Cơ Mật Viện bàn trích tiền mua gạo tùy nghi trợ cấp. Kế đó Khâm sứ đại thần Lévecque⁽¹⁾ tới khám hỏi điện về xin trích 50.000 đồng⁽²⁾ trừ hoạch điều tể, chuẩn cho lập tức sao ra thi hành (về sau lại trích 20.000 đồng và lần lượt đầy việc xây dựng thay cho chấn tế 20.000 đồng, tổng cộng hơn 90.000 đồng).

Tháng 2. Thân rõ lệ cải táng phần mộ (trở đi phần mộ phạm vào ngũ hoạn⁽³⁾ và lâm thời chôn tạm cần dời mộ cải táng phải trình rõ với quan sở tại khám nếu đúng mới được phép, còn lại nhất thiết tuân lời phê cấm chỉ, nếu ai cố ý làm trái thì chiếu luật xử trị). Lúc đầu phần mộ của cung nhân Lê thị bị thương nhân người Pháp Bogaert⁽⁴⁾ bắn súng gần tới vòng tường quanh mộ, người lo việc thờ cúng là Lê Ngọc Trác bẩm xin cải táng, Bộ Công tâu xin trừ tính chi cấp. Vua phê nói “Chuyện cải táng là tục rất hủ lậu, vả lại còn có thể sinh ra dịch bệnh. Trở đi bất kể là hạng người nào đều nhất loạt nghiêm cấm, ai làm trái sẽ khép tội nặng”. Cơ Mật Viện tâu lại nói người xưa chọn đất chôn cất, cẩn thận đề phòng ngũ hoạn, nhưng thời thế đổi dời, có nhiều việc không cần thận đề phòng hết được, nếu sau khi chôn

phạm vào ngũ hoạn mà nhất thiết đều không cho cải táng e không phải là việc khiến lòng người yên ổn, bèn xin thân rõ lời nghị ấy, chuẩn cho thi hành.

Đổi chế tạo cột cờ ở Kinh Thành (dựng cột đúc bằng sắt, dự trù 5.180 đồng, do quan Đốc công Pháp quản biện).

Chuẩn cho bàn định các sắc thuế đốt pháo đánh trống và đi đêm cầm đèn trong thành phố (Một: việc đốt pháo và đánh trống trừ bốn ngày tiết nhật và lễ Chánh Trung⁽⁵⁾ thì không thu thuế, còn lại như có ai xin phép đốt pháo hoặc đánh trống thì hôm đầu tiên thu thuế 2 hào,⁽⁶⁾ từ hôm thứ hai trở đi mỗi ngày chiếu lệ thu 1 hào. Một: người đi đêm nếu lãnh giấy phép miễn cầm đèn đuốc thì đồng niên nạp tiền 4 đồng, nếu là người Nam không có giấy phép thì đi đêm ắt phải cầm đèn, duy quan Nam từ Chánh Tứ phẩm trở lên thì chuẩn cho miễn).

Chuẩn cho thương nhân người Pháp Bogaert trưng thêm đất công ở gò Long Thọ. Lúc đầu Tòa Khâm sứ gửi thư nói Bogaert xin nhận mua một khoảnh đất ở gò Long Thọ, khoảng 25.000 mét Tây, lại giáp xứ Lò Vôi⁽⁷⁾ dựng nhà cửa để tránh tro bụi, lại đệ thêm bản đồ cho Cơ Mật Viện bàn. Bề tôi Cơ Mật Viện bàn nói gò ấy là cảnh đẹp, vả lại còn thuộc đất cấm (xét *Đại Nam nhất thống chí* chép gò ấy ở xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy, một dải sống núi gối ngang bờ nam sông Hương, đối diện với gò Thiên Mụ bên kia sông, tên cũ là gò Thọ Khương Thượng Khố, trước kia có nhà cửa làm chỗ cho các triều ra chơi. Sau cơn binh lửa bị bỏ phế, đầu niên hiệu Gia Long đổi tên là Thọ Xương, trong niên hiệu Minh Mạng đổi tên là Long Thọ, dựng đình khắc bia ghi lại cảnh đẹp. Năm Tự Đức thứ 28, Đại Pháp muốn xây Tòa Khâm sứ ở đó, vâng lời thánh phê nói chỗ ấy thuộc đất cấm, giao cho bề tôi Viện Thương Bạc bàn bạc đình lại), nếu thương nhân người Pháp nhận mua nên đo mua dưới chân gò bấy nhiêu mét Tây thì cho, còn một dải đất trên gò đã trồng tùng nên giữ lại như cũ. Về sau Khâm sứ đại thần cùng Cơ Mật Viện đại thần Lê Trình tới khám, thương nhân ấy nhận dời qua một khoảnh đất phía tây, mỗi bề khoảng 100 thước Tây, còn lại không xâm phạm tới. Bề tôi Cơ Mật Viện bèn tâu lên, chuẩn cho như lời xin.

Năm ấy đến kỳ thi Hội. Hiệp biện Đại học sĩ sung Tổng tài Quốc Sử Quán Cao Xuân Dục dâng sớ xin đổi định trường quy (đại lược nói lệ trước nay trong trường chia làm hai vi Giáp Ất, người từ Quảng Bình trở vào nam thuộc vi Giáp, người từ Hà Tĩnh trở ra bắc thuộc vi Ất. Nay xin trong trường cứ trộn lẫn cả hai vi Giáp Ất, trên quyền thi đình việc ghi hai chữ Giáp Ất để giấu hình tích mà làm rõ sự công bằng). Sớ dâng lên, vua phê nói “Những việc trường vụ còn không ít điều bất tiện, Khanh đã có lòng thì nên trích nêu ra nhiều hơn tâu lên để xét chuẩn cho thi hành”. Xuân Dục lại xin bàn thêm năm điều (Một: quan trường ra đề xin cho vũ viên giữ chức Thể sát trích lấy trong các sách trình lên, do Chánh Phó Chủ khảo chọn định ra đề để làm rõ sự công bằng ngay thẳng. Một: lệ trước nay thi Hội thì Nam Bắc chia ra hai vi Giáp Ất, tới nội trường cùng chấm, cứ quan trường một người Nam một người Bắc cùng chấm một quyển thì ý kiến thường có khác nhau, không khỏi tranh cãi. Nay đình việc ghi chữ hiệu Giáp Ất, xin

cho các quan đồng khảo ký tên duyệt riêng để đơn giản thuận tiện. Một: hai viên Giám sát trong ngoài trường thi, lúc đầu đặt ra có chuyên trách, sau đó lại giảm một người, đến nỗi người có trách nhiệm ấy tự ý ra vào, trường vụ vì thế bị tiết lộ, không khỏi bị người ta đồn đại. Trừ trường thi Hội và trường thi Hương Hà Nam đã đặt thêm, bốn trường Thừa Thiên, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định xin đều tăng thêm một viên để nghiêm việc đề phòng trong ngoài. Một: những quyển thi mà Đề tuyển thu giữ, tên họ phải dán kín và ghi số hiệu, tình tiết rất quan hệ, xin nghiêm cấm không được tự tiện ra vào để đề phòng tặc đoạt mua bán. Một: xin những người thi Hội tứ trường có phân số hoặc cả ba trường trước được tám phân thì nhất loạt cho vào hạng trúng cách, không cần chia hạng trúng cách và thứ trúng cách trước, đến lúc thi Đình mà được ba phân trở lên thì ban cho Giáp đệ khác nhau, hai phân trở xuống thì ban là Phó bảng. Lại xin đổi gọi Phó bảng là Ất Tiến sĩ để được vinh dự. Một: xin cho Phó bảng được dự yến nhưng ngồi ở gian khác, như thế có phân biệt với Tiến sĩ mà làm rõ sự rộng rãi) đều chuẩn cho thi hành (duy khoản đổi gọi Phó bảng là Ất Tiến sĩ thì châu phê “Hãy nghĩ thêm”).

Ban thường cho sĩ tử trường Tôn học đều có thứ bậc khác nhau. Lúc đầu Tuyên Hóa công Miên Tán kiêm quản trường Tôn học tâu xin khảo hạch học sinh xem tiến bộ thế nào, sẽ xướng danh phát thưởng. Bèn chuẩn ân cấp 400 đồng, chọn mua sách Tây và hàng hóa Trung Quốc, Tây Dương để thưởng cấp.

Tháng 3. Thừa Thiên, Quảng Trị có bão và mưa đá, việc tâu lên, sai quan phủ tỉnh khám xét những nơi bị tai nạn theo sự thật tâu lên.

Thân định lệ cầm cố công điền công thổ. Lệ ấy đã chuẩn lời nghị từ năm Gia Long thứ 2 (công điền công thổ không được bán đứt cầm cố, nếu trong xã vì có việc công quan trọng cho người tá canh lấy tiền làm việc công thì cho hạn trong 3 năm, khi hết tiền vốn tiền lãi thì vẫn giao lại công điền công thổ ấy cho xã dân chia cấp. Ai quá hạn không giao bị người ta tố cáo thì người cho tá canh và người tá canh đều xử vào tội nặng, những ruộng đất cho tá canh thu hồi về bản xã), nhưng gần đây hào lý trong dân gian cùng nhau tư tặc, đến lúc ấy lập ra hội đồng nghị định bổ sung thân sức răn cấm, chuẩn cho sao ra thi hành (Khoản 1: xã thôn nào như tình nguyện cầm cố cho tá canh một khoảnh ruộng đất ắt phải làm đơn trên giấy tín chỉ hai bản trình lên phủ huyện sở tại, phủ huyện thẩm xét sự thể thế nào rồi đưa bẩm lên tỉnh đường. Tờ đơn tín chỉ ấy phải có lý dịch đóng triện và đồng dân trong xã (nếu thiếu thì không được dưới một nửa nhân số) ghi rõ trong đơn vì lý do gì mà cầm cố cho tá canh, ruộng đất bao nhiêu mẫu, ở chỗ nào, cho tá canh bao lâu, tiền bạc bao nhiêu cùng tên họ quê quán người tá canh. Khoản 2: quan tỉnh có quyền cho dân cho tá canh điền thổ nhưng ắt phải có Công sứ phê duyệt vào đơn mới được chuẩn cho thi hành, một bản giao cho người tá canh chấp chiếu, một bản do phòng công văn của tỉnh đường lưu giữ. Khoản 3: số ruộng đất cho tá canh không được quá một phần năm số ruộng đất của xã. Khoản 4: thời hạn cho tá canh không được quá 3 năm,

quá hạn thì ruộng đất ấy giao về cho xã dân chia cấp. Khoản 5: nhất định phải cho đấu giá, mỗi khoảnh không được quá 20 mẫu, mỗi người chỉ được đấu giá một khoảnh mà thôi, như thế tránh được việc hào cường trong xã bao chiếm, ruộng đất cho tá canh được giá cao mà dân tự có lợi ích. Khoản 6: người đã tá canh ruộng đất không được đổi ý. Khoản 7: duy người An Nam mới được đấu giá, người Tây và người các nước phương Đông thì cấm. Khoản 8: ngày cho tá canh bắt đầu tính từ ngày lập khế ước ký tên, mãn hạn mới được cho tá canh tiếp. Khoản 9: các Tòa sứ và các tỉnh đường đều có một quyển sổ đăng ký số ruộng đất mà các xã thôn cho tá canh, cũng sao rõ xã thôn nào trong đơn ghi thế nào để dễ tra xét. Khoản 10: các khoản trên đây có ai không tuân theo, nếu đơn từ khế ước không thể làm bằng cứ thì người tá canh không được khiếu nại vì bất cứ lý do gì, ruộng đất giao về cho xã dân mà lý dịch ký tên trong khế ước đều phải chịu phạt).

Đặt đàn chay ở chùa Thiên Mục, tụng kinh bảy ngày (vì mãn tang Từ Minh Hoàng Thái hậu).

Bãi đoàn binh ở phủ hạt Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Trước là năm Thành Thái thứ 12 vì dân Man quấy nhiễu nên chuẩn cho ba tổng Tiên Giang, Phước Lợi, Đức Hòa ở hạt ấy chọn người sung vào đoàn binh (mỗi tổng 100 người) để phòng bị. Đến lúc ấy dân Man đã tạm yên ổn, quan tỉnh và Trú sứ tỉnh ấy nghĩ xin triệt bãi (số đoàn binh ấy cho trở về tráng hạng chịu thuế, bắt đầu từ năm sau), Bộ Hộ tâu lên, chuẩn cho thi hành.

Các hạt ở Nghệ An hạn hán đói kém (Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thành là nặng nhất), quan tỉnh bàn xin dấy việc xây dựng thay cho chấn tế, cho theo lời xin.

Đặt Hội đồng thương nghị việc quốc chính ở kinh (hoạch định những việc quan trọng như thuế lệ ở các thành phố, trưng thu thuế lệ ruộng đất nhân đinh, lập thêm thành phố, lập kho dự trữ trong ngân sách các tỉnh, châm chước quy định trưng khẩn ruộng đất, đo khám ruộng đất, dự phòng mất mùa, dự phòng giữ gìn cây gỗ trên rừng, bổ sung lính tập khổ xanh). Sai Hiệp biện Đại học sĩ lãnh Thượng thư Bộ Lại sung Cơ Mật Viện đại thần Trương Như Cương, Thượng thư Bộ Công sung Cơ Mật Viện đại thần Nguyễn Hữu Bài hội đồng với quan Đại Pháp (từ Giám đốc Đô Phi Ninh⁽⁸⁾ trở xuống 8 người) nghị bàn (lúc ấy Khâm sứ đại thần Lévecque chiếu theo các khoản nghị định ngày 23/2/1899 và xét tình hình hiện tại cần nghị định bổ sung nên họp bàn).

Mùa hạ, tháng 4. Đặt lại Hội đồng tu chỉnh học quy, sai Thượng thư Bộ Lễ Lê Trinh, Tổng tài Quốc Sử Quán Cao Xuân Dục, Tổng đốc Nam-Ngãi Vương Duy Trinh, Tế tửu Quốc Tử Giám Trần Đình Phong sung làm hội viên (lấy ngày 25/5 Tây lịch tức ngày 14 tháng ấy Nam lịch mở hội nghị ở phòng Tàng thư Tòa Khâm sứ).

Chuẩn cho mở rộng thêm học quy trường Bách công. Lúc đầu Khâm sứ đại thần Lévecque bàn nói trường Bách công lúc đầu chỉ lập ra để chuyên dạy kỹ nghệ, đến nay trường ấy trở thành một sở ứng dịch, tuy những người

có tay nghề cũng có thể làm việc máy móc nhưng hiện nay xe lửa tàu máy cùng các xưởng máy móc càng ngày càng nhiều, nghĩ nên tu chỉnh mở rộng, dạy thêm kỹ nghệ bách công để về sau giới nghề chuyển đi nơi khác dạy khắp cho quốc dân, nghĩ cũng có ích. Bèn sai Thượng thư Bộ Công sung Cơ Mật Viện đại thần Nguyễn Hữu Bài sung làm hội viên hội đồng với Khâm sứ đại thần và các quan Pháp bàn bạc tiến hành.

Quan tỉnh Quảng Nam báo về tình hình bệnh tật (dân gian nhiều người phát bệnh thương hàn, về sau sinh ra sốt rét, hoặc bệnh nặng hoặc chết, ở Quế Sơn, Thăng Bình là nặng nhất, Điện Bàn, Duy Châu, Tam Kỳ, Hòa Vang đỡ hơn). Chuẩn trích tiền mua thuốc (ký ninh)⁽⁹⁾ chia cấp cho.

Bắt đầu đặt máy dẫn nước quanh thành ở kinh. Trước là tháng 3 năm Thành Thái thứ 15, Khâm sứ đại thần trước là Auvergne⁽¹⁰⁾ bàn nói trên suối nước nóng đầu nguồn sông Hương có một khe nước, thế nước rất xiết, nên đặt ở đó một máy điện dùng bánh xe dẫn nước tới trong ngoài kinh thành, nhân dân lấy đó ăn uống để được sạch sẽ, dự trù tới 600.000 đồng, do ngân sách bảo hộ gánh vác một nửa, bản quốc nên chịu một nửa, sau đó nếu cần bổ sung bao nhiêu thì do bảo hộ nhận làm, đã chuẩn cho sao ra thi hành. Sau đó vì Bộ Thuộc địa của Đại Pháp phúc đáp hỏi vay chưa đủ, việc phải ngừng lại giữa chừng. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Lévecque lại phái quan Đốc công khám xét trừ tính, đã qua Toàn quyền đại thần và quan sung Đốc công Nha Đốc công Đông Dương duyệt, Bộ Thuộc địa chuẩn cho thi hành, bèn cho đấu giá, bắt đầu xây dựng ngay trong năm. Nhưng nạo vét đường sông công trình to lớn, cần gởi mua các hạng máy móc, khoảng 10 tháng hoặc 18 tháng mới có thể hoàn thành, năm trước bàn góp 300.000 đồng, nay nên trích ra để giao. Bàn định xong (ngày 21/5/1907 Tây lịch hội thương, Khâm sứ đại thần bàn giao các điều khoản lấy nước cấp cho thành phố thuộc về việc vệ sinh phải làm, người Nam được hưởng lợi nhiều. Lại chiếu hội thương ngày 3 tháng 3 năm Thành Thái thứ 15 tức ngày 31/3/1903 Tây lịch đã định giao 300.000 đồng của An Nam để tiện cho Công cục liệu biện việc ấy chi biện, nay bàn định), do Cơ Mật Viện tâu lên chuẩn cho thi hành.

Chuẩn thay đổi sáp nhập các xã thôn ở Quảng Nam, Quảng Trị, Thanh Hóa để tiện cho dân (Tỉnh Quảng Nam 2 xã Sài Tân, Bình An đều sáp nhập vào phủ Tam Kỳ, thôn An Mỹ, phủ Thăng Bình không có ruộng đất, chỉ có 1 tráng đinh sáp nhập vào xã Đông Mỹ, phường mới Tứ Chánh lập lại ở huyện Đại Lộc sáp nhập vào tổng Đa Hòa Thượng, phủ Điện Bàn. Tỉnh Quảng Trị lập riêng phường Tân Trà thuộc phủ Hải Lăng, phường ấy vốn ở xứ Ba Lòng⁽¹¹⁾ xã Trà Trì, đinh số 26 người, ruộng đất 64 mẫu, cách xã Trà Trì hơi xa nên lập riêng. Lại chuẩn cho phường Sơn Lâm thuộc phủ Cam Lộ nhận trưng ruộng đất ở xứ Ba Lăng, phường An Thái Thượng. Tỉnh Thanh Hóa xã Lữ Hạ thuộc huyện Cẩm Thủy sáp nhập vào xã Phú Môn, xã Phù Lưu sáp nhập vào xã Trại Hà, ba thôn Bông,⁽¹²⁾ Nỗ, Nham xã Ngọc Sơn thuộc phủ Quảng Hóa vốn trước cùng sổ đinh điền, gần đây bị điều hao, hai thôn Bông, Nỗ chuẩn hợp làm thôn Bông Nỗ, thôn Nham chuẩn cho làm một thôn riêng).

Tháng 5. Năm ấy thi Hội đã xong (Chủ khảo là Tham tri Bộ Hộ Trần Đạo Tiềm, Phó Chủ khảo là lãnh Đốc học Thanh Hóa Đàm Khiêm, Tri cống cử là Lang trung Bộ Hộ Đào Phan Duân, lấy 4 người hạng trúng cách, 7 người hạng thứ trúng cách cùng Đỗ Văn Toại thứ trúng cách khoa Giáp Thìn, Phan Duy Phổ thứ trúng cách khoa Ất Mùi đều được vào thi Điện), lấy ngày 8 tháng ấy vào thi Điện (Hiệp biện Đại học sĩ sung Tổng tài Quốc Sử Quán Cao Xuân Dục, lãnh Thượng thư Bộ Hộ Huỳnh Côn sung Đốc quyền, lãnh Tham tri Bộ Hình Bùi Xuân Huyền, Tham biện Các vụ Tạ Hàm sung Duyệt⁽¹³⁾ quyền), ban cho 4 người Nguyễn Duy Phiên, Lê Hoàn, Nguyễn Khắc Niêm, Nguyễn Đức Lý là Đề nhị giáp Tiến sĩ, 3 người bọn Trần Đình Tuấn⁽¹⁴⁾ (về sau gặp tôn hủý nên đổi là Chu) là Đề tam giáp Tiến sĩ, 6 người Phó bảng. Đến khi dẫn kiến vua đều nhất nhất hỏi han, lại ân tứ cho các Tiến sĩ chia nhau lên hai chiếc xe hơi⁽¹⁵⁾ dạo chơi ngoài thành, ngự giá ra Phú Văn Lâu ra đề làm thơ (Phú đặc “Thản đồ trì khinh xa” (Đường bằng ruổi xe nhẹ) một bài thất ngôn luật lấy chữ “phi” (bay) làm vần, lại sắc nói rõ đây không phải là khảo hạch trước mặt, chỉ là muốn ghi lại việc hay, mọi người nên lập tức ứng chế tiến lãm, mỗi người đều viết một bài truyền làm vật gia bảo). Khoa ấy lấy tới 4 Đề nhị giáp Tiến sĩ, lại chuẩn cho các Tiến sĩ lên xe hơi dạo chơi phố phường, đương thời cho là việc vinh dự hiếm có.

Chuẩn cho Thượng thư Bộ Binh sung Cơ Mật Viện đại thần Phạm Xứng thăng hàm Hiệp biện Đại học sĩ trí sĩ, lấy Thượng thư Bộ Công sung Cơ Mật Viện đại thần Nguyễn Hữu Bài chưởng quản sự vụ Bộ Binh.

Hòa Thịnh quận vương Miên Tuấn chết. Quận vương là người chí thân trong đế thất, di lão sáu triều, mê sách hiếu học, giữ lòng đạm bạc, năm ấy 81 tuổi bệnh chết. Chuẩn truy tặng là Hòa Thịnh vương, lại cấp thêm tiền (300 đồng) sung vào việc chôn cất.

Thái tử Thiếu bảo Đông Các Đại học sĩ Trần Lưu Huệ chết. Huệ là đại viên kỳ cựu, đầu tiên giữ chức trong kinh, trải sung Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ, rất có công lao, năm trước vì già yếu xin hưu trí, đến lúc ấy chết, sai quan ban tế như lệ.

Tổng đốc Quảng Nam Vương Duy Trinh tư nói Tòa sứ dò xét được người của Hợp thương công ty cậy quyền chức khoa mục thường tới những nhà giàu ở các xã thôn dưới hặc đòi hỏi tiền bạc, không chịu nộp thuế và cản trở người khác nộp thuế, hào lý các xã thôn sợ thế lực dữ tợn không dám thu đòi, thậm chí còn xuất tiền nộp thay, tiền thuế không thể thu đủ đều do bọn ấy làm càn, tệ đoan như thế không thể không trừ diệt. Hiện đã sức nã bắt Hội chủ là Bang biện Nguyễn Đình Tấn giải lên tỉnh tra xét xử tội, còn Ký thất Tú Vĩ trốn núp đang sai tìm bắt cũng sẽ giải về tra xét xử tội. Cơ Mật Viện tâu lên, chuẩn cho sao ra thi hành.

Tháng 6. Thân rõ lệ Lý trưởng đóng triện xác nhận đơn từ. Lúc đầu Tòa Hộ chính dịch giao điện văn của Công sứ đạo Ninh Thuận nói Lý trưởng theo lệ không cho phép đóng triện xác nhận đơn từ mà đòi hỏi lấy tiền, nên trừ bỏ thói tệ ấy để tránh việc khiêu kiện. Bộ Hộ tâu lên xin thân rõ lệ trước nay (tháng 6 năm Thành Thái thứ 16, Cơ Mật Viện bàn chiếu lệ nhân

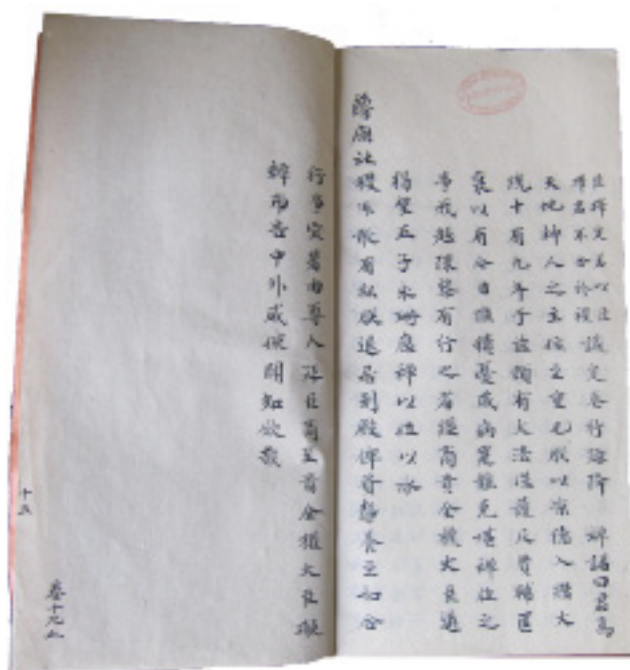
dân ở phủ hạt Thừa Thiên trưng mua hoặc cầm cố nhà cửa ruộng đất cùng các giấy tờ như di chúc thì Lý trưởng đóng triện xác nhận, từ 500 quan trở xuống cứ mỗi 100 quan chuẩn cho Lý trưởng thu tiền lệ phí 2 quan, từ 600 quan trở lên chuẩn chiết giảm một nửa, mỗi 100 quan chuẩn cho thu tiền lệ phí 1 quan, nếu ai làm trái thì chiếu luật Làm trái lệ xử trị. Tới như các đơn từ kiện tụng của nhân dân thì không cần Lý trưởng đóng triện xác nhận) thông tư hiểu sức cho biết mà tuân theo để tránh nổi khổ cho dân, chuẩn cho sao ra thi hành.

Hiệp biện Đại học sĩ Vinh Quang tử hưu trí Đào Tấn xin nhận một khoảng vùng công (khoảng một hai trăm mẫu) ở hai thôn Xuân Quang, Phú Hòa huyện Tuy Phước (tỉnh Bình Định) ủy cho con đắp đê khai khẩn thành ruộng (hạn trong hai năm thành ruộng chịu thuế, nhưng trích ba phần mười giao cho hai thôn ấy, còn bảy phần cho làm ruộng tư). Bộ Hộ tâu lên xin chuẩn, cho như lời xin.

Chợ Sư Lỗ (thuộc huyện Phú Lộc) phủ Thừa Thiên bị hỏa hoạn (cháy lan ra đình miếu chợ quán và nhà dân 66 hộ), chuẩn trích tiền trợ cấp cho.

Mùa thu, tháng 7. Ngày Bính Tuất (ngày 20) vua nhường ngôi lại cho hoàng tử thứ năm Vĩnh San, tức Phế đế Duy Tân. Lúc đầu vua nhỏ tuổi lên ngôi, trên có ba cung⁽¹⁶⁾ dạy bảo, dưới có các bề tôi phụ bật, ngoài có Đại Pháp bảo hộ giúp đỡ, việc nội trị ngoại giao lúc vừa coi chính sự rõ ràng có thể ghi nhận. Đến khi lớn tuổi ba cung khuất giá, chỉ lo chơi bời, kể nịnh hót được tin dùng, người can gián không được nghe lời nói thẳng, trong triều

chia rẽ, ngoại giao trực trặc. Khâm sứ đại thần Lévecque bàn nói vua bị tâm bệnh nghĩ nên tĩnh dưỡng, tới như việc chính sự thì nên đặt Phủ Phụ chính để nhiếp quốc chính, nghĩ lấy Hiệp biện Đại học sĩ sung Cơ Mật Viện đại thần Trương Như Cương làm Phủ trưởng, Khâm sứ đại thần bảo hộ kiểm soát chiếu cố, phàm mọi việc đều do Phủ trưởng Phủ Phụ chính nghĩ biện, lại gửi thư trình Toàn quyền đại thần kèm với thư của đình thần Nam triều đệ đạt. Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần Beau⁽¹⁷⁾ nhận được điện văn của triều đình Pháp (điện văn nói các khoản thư của đình thần Nam triều nghĩ xin đã duyệt bàn, về khoản quốc vương thì



Phần cuối sắc thư thoái vị của vua Thành Thái trong *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đệ lục kỷ phụ biên*, quyển 19.

triều đình Pháp nghĩ thu lại quyền hành, có lấy hoàng tử thay giữ ngôi vua cũng phải đặt Phủ Phụ chính để giúp đỡ) bèn vào Đại Nội yết kiến xin sắc thư. Yết kiến xong tới dự hội thương, đưa sắc thư cho đại thần Trương Như Cương tuyên đọc (Sắc nói “Trẫm lấy đức bạc kế thừa đại thống mười chín năm nay, ngoài nhờ Đại Pháp giúp đỡ, trong có bề tôi phụ bật tài giỏi không phù nên có ngày nay. Nay muốn nhường ngôi cho hoàng tử, giao cho Tôn nhân đình thần trình ý ấy với Toàn quyền đại thần xét nghĩ thế nào cho được hợp thể, lập tức tâu lên. *Thành Thái ngự bút*.⁽¹⁸⁾ Các hoàng tử có tất cả mười hai người cho trình với quý Toàn quyền đại thần chọn một người sung vào, đây là chuyện liên quan tới việc lớn xã tắc, trẫm không dám riêng tư”). Lại bàn với Tôn nhân Phủ chính tuân theo sắc thư tra cứu thể chế nghi thức truyền ngôi ở nước Nam trước nay để bàn nghĩ (Lúc ấy đại thần Phủ trưởng nói “Giải quyết việc đối xử xong mới nên bàn tới chiếu nhường ngôi”. Toàn quyền đại thần trả lời nói nên bàn về nghi thức nhường ngôi trước, tới như đối xử với vua thế nào sẽ có lời bàn riêng, lại nói có nên mời mười hai hoàng tử tới đây tùy ý Phủ Phụ chính chọn không. Đại thần Phủ trưởng đáp nói “Biết con không ai bằng cha, xin quý đại thần trở vào Đại Nội tâu xin vua dẫn các hoàng tử ra cho quý đại thần chọn lựa quyết định, chứ nếu để bề tôi chọn vua thì không hợp với lễ”), nghị định chuẩn cho thi hành. Bèn ban chiếu nhường ngôi nói “Vua là chủ tể của trời đất thần người, ngôi vị rất trọng. Trẫm lấy đức bạc kế thừa đại thống mười chín năm nay, nhờ có Đại Pháp giúp đỡ cùng bề tôi phụ bật tài giỏi không phù nên có ngày nay. Nhưng lo nghĩ chất chứa thành bệnh, thật khó kham nổi. Việc nhường ngôi thì nước Việt ta thời Trần, Lê cũng từng làm qua, đã bàn với quý Toàn quyền đại thần chọn được hoàng tử thứ năm Vĩnh San đáng nhường ngôi cho để thừa kế tôn miếu xã tắc, không phải là dám riêng tư. Trẫm sẽ lui về ở trong biệt điện để tĩnh dưỡng. Tới như những việc cần làm thì giao cho Tôn nhân đình thần bàn trình với quý Toàn quyền đại thần nghĩ biện, bố cáo cho trong ngoài đều biết. Kính thay!”.

Tháng 3/2011

C T T

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyên bản viết là “Lê Viết”, tức Fernand Ernest Lévecque. Nhân vật này giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ (Résident supérieur de l’Annam) từ 1906 đến 1908.
- (2) *Đồng*: nguyên bản chép là “nguyên” hay “ngân nguyên”, tức Đồng bạc Ngoại thương (Piastre de Commerce) do Ngân hàng Đông Dương phát hành vào các năm 1879, 1885, nặng 27,215gr với hàm lượng bạc 0,900, có đơn vị cơ bản là piastre, mỗi piastre gồm 100 cent hay centime tức sou. Trong bản dịch này chúng tôi nhất loạt dịch “ngân nguyên” hay “nguyên” là đồng để phân biệt với hệ thống tiền tệ của nhà Nguyễn gồm các đơn vị quan, mạch, tiền.
- (3) *Ngũ hoạn*: nghĩa đen là năm mối lo, là thuật ngữ của giới phong thủy ngày xưa, theo đó tìm đất đặt mộ phải tránh khu đất nào ngày sau sẽ làm đường đi, làm thành quách, làm ao hồ kênh mương, bị người quyền quý chiếm cứ, bị dùng làm đất canh tác.
- (4) Nguyên bản viết là “Bồ Kê”, đọc theo âm Nôm là “Bồ Ghè”.
- (5) *Lễ Chánh Trung*: tức lễ Quốc khánh nước Pháp (ngày 14/ 7 dương lịch).
- (6) Nguyên bản viết là “mao”, tức một lối viết tục tữ của chữ “hào”. Theo *Quốc tế điều lệ* của nhà Thanh thì thời Thanh ở Trung Hoa có ba loại tiền bằng bạc, đồng và kẽm, đều lấy bạc làm chuẩn, đổi ngang được 6 tiền 4 phân 8 ly bạc ròng gọi là một “viên” (tức “nguyên”), trong đó

“ngân viên” (tiền bằng bạc) có bốn hạng: một viên, nửa viên, hai góc và một góc, cứ một “ngân viên” ắt mười “ngân góc”. Hạng một góc còn gọi là “tiểu ngân viên”, tục gọi là “hào tử”. Đồng ngân viên này du nhập qua Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII cùng với các tên gọi nói trên, nhưng ở phía Nam tiếp xúc trực tiếp qua khẩu ngữ của người Hoa nhiều hơn nên đọc “góc” theo âm Hoa Hán giọng Quảng Đông là “cắc”, ở phía Bắc có lẽ tiếp xúc qua văn bản viết tay nhiều hơn nên đọc là “hào” và viết với chữ “mao”, đều có ý nghĩa là một phần mười của một đồng (bạc). Hệ thống đồng bạc Đông Dương của Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX trở đi đã được định danh theo hệ thống tên gọi này.

- (7) Nguyên bản chép là *Chữ khô lô xứ*.
- (8) Nguyên bản viết là “Đô Phi Ninh”, chúng tôi chưa tìm được nguyên danh bằng tiếng Pháp.
- (9) Nguyên bản viết là “ky ninh”, là phiên âm Việt Hán của từ Pháp “Quinine”, đây dịch theo cách gọi phổ biến của người Việt Nam.
- (10) Nguyên bản viết là “Ô Ve Gio” (có chỗ viết là “Ô Ve” nhưng cũng là một người), tức Jean Calixte Alexis Auvergne. Nhân vật này giữ chức Quyền Khâm sứ Trung Kỳ từ 1897 đến tháng 3/1898, sau đó lại giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 9/5/1901 đến 1904.
- (11), (12) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.
- (13) Nguyên bản chép là “các” (gác), là lầm từ “duyet”, ở đây đính chính lại như trên.
- (14) Nguyên bản viết chữ này thiếu bộ *nhật* (vì kiêng húy vua Khải Định).
- (15) Nguyên bản chép là “điện khí cơ xa” (xe máy hơi điện).
- (16) *Ba cung*: đây chỉ bà Nghi Thiên Chương Hoàng hậu Phạm Thị Hằng (vợ vua Thiệu Trị, tức bà Từ Dũ, mất năm 1901) ở cung Gia Thọ, bà Lệ Thiên Anh Hoàng hậu Vũ Thị Duyên (vợ vua Tự Đức, mất năm 1902) ở cung Trường Ninh và bà Từ Minh Huệ Hoàng hậu Phan Thị Điều (vợ vua Dục Đức, mẹ vua Thành Thái, mất năm 1906) ở cung Từ Nghi.
- (17) Nguyên bản viết là “Bô”, tức Jean Baptiste Paul Beau. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ tháng 10/1902 đến tháng 2/1907
- (18) Nguyên bản chép như trên, có lẽ có ý nhấn mạnh đoạn này mới là thủ bút của vua Thành Thái, còn phần trên sắc thư là được người Pháp cho soạn sẵn để ép vua ký tên vào mà thôi.

TÓM TẮT

Sau *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đệ lục kỷ* viết về đời vua Đồng Khánh, Quốc Sử Quán triều Nguyễn còn kịp biên soạn thêm hai bộ Thực lục nữa là *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đệ thất kỷ* viết về đời vua Khải Định. Hai bộ sử này chỉ có bản chép tay chữ Hán hiện được lưu giữ ở Pháp, chưa được phiên dịch nên ít người biết tới. Vì vậy, việc dịch thuật, chú giải và xuất bản hai bộ sử này là điều rất cần thiết, đáp ứng nhu cầu tham khảo không chỉ của học giới mà còn cho cả xã hội hiện nay.

Bài viết giới thiệu bản dịch toàn văn quyển 19 của bộ *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đệ lục kỷ phụ biên* (tất cả gồm 29 quyển), với nhiều chi tiết sử liệu có giá trị liên quan đến tình hình Trung Kỳ vào cuối đời vua Thành Thái.

ABSTRACT

THE ANNALS OF THE ĐẠI NAM [THE MAIN PART], THE SIXTH REIGN, SUPPLEMENTAL VOLUME NO.19

After completing the Main Part of the *Annals of the Đại Nam, the Sixth Reign* written about Emperor Đồng Khánh, the National historiographers' office of the Nguyễn dynasty continued to compile two more Annals, which are the *Annals of Đại Nam [the Main Part], the Sixth Reign, Supplemental Volumes* (comprising 29 volumes) written about Emperors Thành Thái and Duy Tân, and the *Annals of Đại Nam [the Main Part], the Seven Reign* about Emperor Khải Định. These two Annals, which are Hán script handwritings, are kept in France and rarely known because they haven't been translated yet. Thus, the work of translating, annotating and publishing them is necessary to meet the reference demand of both academic circles and the society.

The article introduces the whole translation of the *Annals of Đại Nam [the Main Part], the Sixth Reign, Supplemental Volume No.19* containing a lot of valuable historical documents related to the situation of Trung Kỳ (Annam) in the last years of the reign of Emperor Thành Thái.